

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 07-08-2025

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng;
Bà Trịnh Ngọc Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLPT- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 135/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc N năm 1979(có mặt).

Nơi cư trú: số 277/64/5, B, Phường B, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh(nay Số 277/64/5, B, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Chu Văn T, luật sư của Công ty L; Địa chỉ: Số D (tầng A) đường T, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Kim Y năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: số D, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang(nay Số D, tổ A,

ấp L, xã N, tỉnh An Giang) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Giảng Hùng C, luật sư của Công ty L1; Địa chỉ liên hệ: đường T, xã C, tỉnh A (có mặt)

3. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc N2:* Ông và bà Y1 tự tìm hiểu sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2019 vợ chồng không đăng ký kết hôn; thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nay, nhận thấy tình cảm hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà M bị đơn Đặng Thị Kim Y1

- *Về quan hệ con chung:* Ông N1 và bà Y1 có 01 con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023. Hiện cháu D đang sống chung với bà M bị đơn Đặng Thị Kim Y2 ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Đặng Thị Kim Y3 nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Không có.

** Bị đơn bà Đặng Thị Kim Y4:* bà thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc N3 hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc N1

- *Về quan hệ con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023. Hiện cháu D đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Nhanh cấp D1 nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 135/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã quyết định:

Căn cứ vào,

- Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc N1

2) *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Nguyễn Ngọc N4 Đặng Thị Kim Y5 vợ chồng.

3) *Về quan hệ con chung*: Bà Đặng Thị Kim Y6 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc N5 trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Nguyễn Ngọc N6 kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận ông Nguyễn Ngọc N4 Đặng Thị Kim Y4 không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông N1 và bà Y1 trong thời kỳ hôn nhân thì ông N1 và bà Y1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/6/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu cho ông Nguyễn Ngọc N1 được nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023, không yêu cầu bà Đặng Thị Kim Y1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Chu Văn T có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giao con chung cháu D cho ông N1 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng vì: nguyên đơn có đủ điều kiện về mặt kinh tế hơn bị đơn (đã chứng minh được qua các tài liệu nộp giai đoạn phúc thẩm, thể hiện ông N1 có tài sản, có thu nhập trên 20.000.000đ/tháng và thời gian qua đã có chuyển khoản cho bị đơn để chăm lo cho con - được bị đơn thừa nhận tại phiên tòa); phía bị đơn cho rằng đã có nghề nghiệp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và hiện vẫn ở nhà thuê; môi trường sống tại Thành phố H sẽ tốt hơn ở quê - nơi bị đơn đang sinh

sống; cháu D đã 2 tuổi được đi học đã đủ nhận thức, không cần thiết có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ.

Ngoài ra, qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải vụ án ngay trong ngày thụ lý và đã đưa ra xét xử - giải quyết vụ án nhanh khi có tranh chấp nuôi con chỉ hơn 20 ngày, có vi phạm tố tụng không.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N1 có ý kiến: Thống nhất ý kiến của luật sư T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, luật sư Giảng Hùng C có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm đã giao con cho bà Y1 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Việc ông N1 chuyển khoản cho bà Y1 chỉ là tự nguyện của ông N1 và trách nhiệm của người cha. Đối với việc cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhanh theo quy định pháp luật thì không có vi phạm tố tụng.

- Bị đơn bà Đặng Thị Kim Y1 có ý kiến: Thống nhất ý kiến của luật sư C. Ngoài ra, bà trình bày tuy hiện tại bà ở nhà thuê nhưng bà cũng đã cho cháu đi học và bà có việc làm để có thu nhập lo cho cháu.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng:Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc N1; Giữ nguyên Bản án hôn nhân sơ thẩm số 135/2025/HNGĐ-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Ông Nguyễn Văn N7 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N7 làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N7 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N7, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn N7 và bà Đặng Thị Kim Y1 tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2019, không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay ông N7 yêu cầu được ly hôn với bà Y1 do mâu thuẫn, không hạnh phúc và bà Y1 đồng ý. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cấp sơ thẩm tuyên không công nhận ông Nguyễn Văn N7 và bà Đặng Thị Kim Y1 là vợ chồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Văn N8 và bà Đặng Thị Kim Y1 đều xác định và thừa nhận có 01 con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023 (theo bản sao Giấy khai sinh số 187 UBND xã L ngày 05/7/2023 Nguyễn Đặng Ngọc D), hiện cháu đang sống với bà Y1. Do đó, có cơ sở xác định cháu Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023 là con chung của ông N8 và bà Y1.

Xét yêu cầu nuôi con chung: Ông N8 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D nhưng thừa nhận từ khi không chung sống với bà Y1 tháng 10/2024 đến nay, cháu D sống cùng với bà Y1 và do bà Y1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Đồng thời, ở giai đoạn sơ thẩm, ông N8 không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Y1 không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông N8 có cung cấp chứng cứ chứng minh ông có điều kiện về mặt kinh tế hơn bà Y1. Xét hiện tại, cháu D sinh ngày 16/4/2023 - chưa đủ 36 tháng tuổi (hơn 27 tháng tuổi), đã sống cùng bà Y1 từ tháng 10/2024, cháu quen với điều kiện, môi trường sống, được bà Y1 nuôi dưỡng, chăm sóc và đã gửi cháu đi học. Đồng thời, ông N8 chỉ cung cấp tài liệu chứng cứ cho rằng ông có điều kiện về mặt kinh tế hơn bà Y1; không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Y1 không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu hoặc chứng minh bà Y1 đã không làm tròn nghĩa vụ của người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D thời gian qua. Do đó, nếu giao cháu D cho ông N8 nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu D, nên cấp sơ thẩm giao cháu D cho bà Y1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế, đảm bảo được đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu D, là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N8 về việc yêu cầu được nuôi con chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ con chung:

Bà Đặng Thị Kim Y6 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc N5 trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N8 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhanh chỉ hơn 20 ngày từ khi thụ lý, và tiến hành hòa giải ngay sau khi thụ lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hồ sơ vụ án thể hiện do các đương sự có mặt và đồng ý cho Tòa án cấp sơ thẩm tổ chức hòa giải để ghi nhận ý kiến ngày 09/5/2025. Sau đó, cấp sơ thẩm vẫn tổ chức hòa giải ngày 22/5/2025 và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Việc các đương sự tham gia hòa giải sau khi cấp sơ thẩm thụ lý là tự nguyện nên không xem là vi phạm tố tụng.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông N8 phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc N1 về việc yêu cầu được nuôi con chung;

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 135/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang) về quan hệ con chung.

Căn cứ vào,

- Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc N1

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Ngọc N4 Đặng Thị Kim Y5 vợ chồng.

3. Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị Kim Y6 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc D, sinh ngày 16/4/2023. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc N5 trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc N6 kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận ông Nguyễn Ngọc N4 Đặng Thị Kim Y4 không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông N1 và bà Y1 trong thời kỳ hôn nhân thì ông N1 và bà Y1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc N9 chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024583 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - An Giang).

Bà Đặng Thị Kim Y7 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc N1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024751 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-An Giang).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 11 - An Giang;
- Phòng THA dân sự khu vực 11 - An Giang;;
- Phòng Thanh tra, kiểm tra và THA;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Thị Minh Châu**